

Số: /2024/QĐ-UBND Kon Tum, ngày tháng năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy định về nội dung chi và mức chi của**  
**Quỹ phòng, chống thiên tai tại tỉnh Kon Tum**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;*

*Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 07 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;*

*Căn cứ Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2020/TT-BTC ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 283/TTr-SNN ngày 19 tháng 12 năm 2023 và ý kiến thẩm định của*

*Sở Tư pháp tại Báo cáo số 470/BC-STP ngày 30 tháng 10 năm 2023 và Công văn số 2329/STP-XDKTr&PBPL ngày 18 tháng 12 năm 2023.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Kon Tum.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày      tháng      năm

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Kon Tum; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Kon Tum; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Ban chỉ đạo Quốc gia về Phòng chống thiên tai;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Kon Tum;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NNTN.NVH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Ngọc Tuấn**

## QUY ĐỊNH

**Nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Kon Tum**  
(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định:

- Nội dung, mức chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai từ Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh Kon Tum (sau đây gọi tắt là Quỹ cấp tỉnh).
- Phân bổ số thu từ Quỹ cấp tỉnh cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.
- Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ cấp tỉnh.
- Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc quản lý Quỹ cấp tỉnh.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có liên quan đến hoạt động phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

### Chương II NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI

#### Điều 3. Nội dung chi và mức chi hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai

- Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán: Mức hỗ trợ 50.000 đồng/người/ngày căn cứ theo số ngày thực tế được sơ tán và danh sách sơ tán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai; hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai:
  - Đối với người không hưởng lương từ Ngân sách Nhà nước: Mức hỗ trợ 100.000 đồng/người/ngày (trường hợp được huy động vào ban đêm từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau mức hỗ trợ gấp đôi).
  - Đối với người hưởng lương từ Ngân sách Nhà nước: Mức chi theo quy định tại khoản 2 Điều 33 của Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7

năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều.

3. Hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai: Mức chi theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 85/2020/TT-BTC ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp.

#### **Điều 4. Nội dung chi và mức chi cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai**

1. Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai

a) Cứu trợ khẩn cấp về lương thực: Cứu trợ các thành viên trong các hộ gia đình thiếu đói trong các đợt thiên tai: Mức hỗ trợ 15kg gạo/người/tháng trong thời gian không quá 03 tháng cho mỗi đợt thiên tai.

b) Cứu trợ khẩn cấp về nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai: Mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/đợt thiên tai, kèm theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp.

c) Chi hỗ trợ sách vở, phương tiện học tập cho học sinh: Mức hỗ trợ 200.000 đồng/học sinh/đợt thiên tai, kèm theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp.

2. Hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai:

a) Hỗ trợ tu sửa nhà ở: Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà chính bị thiệt hại theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra: Mức hỗ trợ nhà ở bị thiệt hại rất nặng (bị phá hủy, hư hỏng từ 50-70%): 30.000.000 đồng/hộ; mức hỗ trợ nhà ở bị thiệt hại nặng (bị phá hủy, hư hỏng từ 30-50%): 20.000.000 đồng/hộ; mức hỗ trợ nhà ở bị thiệt hại một phần (bị hư hỏng dưới 30%): 10.000.000 đồng/hộ; các đối tượng hộ gia đình khác hưởng 50% mức quy định này và khả năng cân đối của Quỹ.

b) Hỗ trợ tu sửa cơ sở y tế, trường học, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai: Mức hỗ trợ 50.000.000 đồng/01 công trình theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với thực tế và khả năng cân đối của Quỹ.

c) Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai: Mức hỗ trợ 10.000.000 đồng/xã, phường, thị trấn bị ảnh hưởng, kèm theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp và khả năng cân đối của Quỹ.

3. Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Kon Tum và khả năng cân đối của Quỹ.

4. Hỗ trợ tháo bỏ hàng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai: Mức chi theo thực tế, dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

5. Hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ quan trọng trên địa bàn bị sụt trượt, sạt lở; hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai: Chi theo thực tế, dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ, mức hỗ trợ không quá 03 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình.

### **Điều 5. Nội dung chi và mức chi hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa**

1. Thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai: Mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 05/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định mức chi đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Kon Tum và Nghị quyết số 35/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum sửa đổi, bổ sung một số Điều và nội dung trong các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum và khả năng cân đối của Quỹ.

2. Lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao và khả năng cân đối của Quỹ.

3. Hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm: Đối với hộ phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ, lụt, thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác được xem xét hỗ trợ chi phí di dời nhà ở với mức hỗ trợ 30.000.000 đồng/hộ và khả năng cân đối của Quỹ.

4. Phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng: Mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đối tiếp khách nước, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019, Nghị quyết số 46/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp

khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum và theo hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp và khả năng cân đối của Quỹ.

5. Diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao và khả năng cân đối của Quỹ.

6. Mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã: Mức chi theo dự toán hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

7. Tập huấn và duy trì hoạt động cho lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai:

a) Đối với người không hưởng lương từ Ngân sách Nhà nước: Mức hỗ trợ 100.000 đồng/người/ngày và khả năng cân đối của Quỹ.

b) Đối với người hưởng lương từ Ngân sách Nhà nước: Mức chi theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP và khả năng cân đối của Quỹ.

8. Hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao và khả năng cân đối của Quỹ.

9. Mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai (quy định tại Quyết định số 20/2021/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai): Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp và khả năng cân đối của Quỹ.

#### **Điều 6. Phân bổ Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã**

Kết thúc đợt thu Quỹ hằng năm, căn cứ tổng số thu Quỹ thực tế trên địa bàn mỗi cấp, Cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ Quỹ cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã như sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp xã được phân bổ 28% số thu trên địa bàn để hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu quỹ 5%; chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ 3% và chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã 20%.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện được phân bổ 23% số thu trên địa bàn (bao gồm cả số thu của cấp xã) để chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp huyện 20% và chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ 3%.

3. Trường hợp các xã khu vực III được phân bổ theo quy định tại khoản 1 Điều này có số tiền thấp hơn các xã không ở khu vực III, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ tối thiểu cho Ủy ban nhân dân các xã này phải bằng số tiền của cấp xã không ở khu vực III được phân bổ thấp nhất trên địa bàn tỉnh.

4. Phần còn lại do Quỹ cấp tỉnh quản lý.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ số thu Quỹ thực tế của năm trước lập danh sách phân bổ Quỹ trên địa bàn theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này gửi Cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh tổng hợp và lập danh sách phân bổ bao gồm cả các xã theo quy định tại khoản 3 Điều này, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

6. Sau khi các cấp có báo cáo quyết toán kinh phí, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thu hồi khoản phân bổ nếu còn dư hoặc quyết định phân bổ khi nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp huyện, cấp xã đã sử dụng hết.

### **Điều 7. Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh**

Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh theo dự toán chi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhưng không vượt quá 3% tổng số thu của Quỹ cấp tỉnh, sử dụng để chi các nội dung sau:

1. Chi phụ cấp kiêm nhiệm, tiền làm thêm giờ cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ; Ban Kiểm soát quỹ và Cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh. Mức chi phụ cấp kiêm nhiệm, làm thêm giờ thực tế thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Chi phí hành chính phát sinh của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh. Nội dung chi và mức chi quản lý hành chính thực hiện theo quy định hiện hành.

## **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 8. Trách nhiệm của các sở, ngành cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện Quy định này.

b) Phối hợp với các sở, ngành và địa phương có liên quan kiểm tra, rà soát và tham mưu đề xuất hỗ trợ kinh phí từ nguồn Quỹ khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, định mức quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra thường xuyên và đột xuất việc chấp hành công tác xây dựng kế hoạch thu, chi và quản lý sử dụng quỹ tại các địa phương, đơn vị theo quy định.

## 2. Sở Tài chính

a) Hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán Quỹ; thẩm định báo cáo quyết toán của Cơ quan quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cơ quan quản lý Quỹ trong việc kiểm tra, giám sát tình hình quản lý, sử dụng Quỹ.

c) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương được hỗ trợ kinh phí từ Quỹ lập hồ sơ và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

## 3. Cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh.

a) Tham mưu xây dựng kế hoạch thu Quỹ hằng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định và đôn đốc các địa phương, đơn vị thu, nộp Quỹ theo đúng quy định.

b) Xây dựng kinh phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

c) Tổng hợp báo cáo kết quả thu, nộp, quản lý, sử dụng Quỹ cấp tỉnh gửi Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh, Cơ quan quản lý Quỹ Trung ương theo quy định.

## 4. Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được hỗ trợ từ nguồn Quỹ.

a) Sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng, không để thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực.

b) Lập và báo cáo quyết toán và quản lý, lưu giữ hồ sơ, tài liệu theo quy định.

c) Báo cáo quyết toán nguồn kinh phí Quỹ cấp tỉnh hỗ trợ gửi về Cơ quan quản lý Quỹ theo quy định.

## 5. Ủy ban nhân dân cấp huyện.

a) Tổ chức thực hiện việc thu, nộp, sử dụng Quỹ và công khai Quỹ theo quy định tại Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng, không để thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với cơ quan chuyên môn, đơn vị cấp huyện thực hiện công khai chính sách hỗ trợ của nhà nước: Danh sách người được hỗ trợ; mức hỗ trợ đối với từng hộ gia đình, cá nhân, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại do thiên tai trước và sau khi có quyết định hỗ trợ của cấp có thẩm quyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Lập báo cáo quyết toán chi Quỹ trên địa bàn và quản lý, lưu giữ hồ sơ, tài liệu theo quy định.

## 6. Ủy ban nhân dân cấp xã.

a) Tổ chức thực hiện việc thu, nộp, sử dụng Quỹ và công khai Quỹ theo quy định tại Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.



b) Sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng, không để thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực; thực hiện công khai: danh sách người được hỗ trợ; mức hỗ trợ đối với từng hộ gia đình, cá nhân, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại do thiên tai trước và sau khi có quyết định hỗ trợ của cấp có thẩm quyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Lập báo cáo quyết toán chi Quỹ trên địa bàn và quản lý, lưu giữ hồ sơ, tài liệu theo quy định.

### **Điều 9. Điều khoản thi hành**

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan thường trực về phòng, chống thiên tai) để tổng hợp, báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

---